

**NGÂN HÀNG TMCP  
KIÊN LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52 /NHKL

Rạch Giá, ngày 27 tháng 01 năm 2022

V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 4 năm 2021 và cả năm 2021

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Kiên Long, mã chứng khoán KLB, xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank quý 4 năm 2021 và cả năm 2021 như sau:

**I. Biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 4 năm 2021 và cả năm 2021:**

**1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank quý 4 năm 2021 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2020:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank quý 4 năm 2021 tăng 95.140 triệu đồng, tương đương tăng 884,69% so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Tổng thu nhập tăng 278.227 triệu đồng, tương đương tăng 110,49% chủ yếu do thu nhập lãi thuần tăng 251.786 triệu đồng (tăng 155,74%); lãi thuần hoạt động dịch vụ tăng 43.800 triệu đồng (tăng 137,15%), lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 11.172 triệu đồng (tăng 458,43%).

- Tổng chi phí tăng 160.383 triệu đồng, tương đương tăng 67,34%. Trong đó chi phí hoạt động tăng 46.148 triệu đồng (tăng 14,25%); chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 114.235 triệu đồng (tăng 133,44%). Nguyên nhân do quý 4 năm 2020, Ngân hàng hoàn nhập dự phòng đối với một số khoản nợ xấu xử lý được nên chi phí dự phòng rủi ro quý 4 năm 2020 giảm 85.606 triệu đồng, trong khi đó, trong quý 4 năm 2021, dư nợ tín dụng tăng lên là nhân tố chính dẫn đến dự phòng rủi ro của Ngân hàng tăng 28.629 triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2020	Quý 4/2021	Tăng/giảm (+/-) quý 4/2021 so với cùng kỳ	
				Số dư	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Tổng thu nhập</b>	<b>251.809</b>	<b>530.036</b>	<b>278.227</b>	<b>110,49</b>
1	Thu nhập lãi thuần	161.667	413.453	251.786	155,74
2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	31.937	75.737	43.800	137,15
3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.437	13.609	11.172	458,43
4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	39.187	23.670	(15.517)	(39,60)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	16.581	3.567	(13.014)	(78,49)
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>238.172</b>	<b>398.555</b>	<b>160.383</b>	<b>67,34</b>
1	Chi phí hoạt động	323.778	369.926	46.148	14,25
2	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(85.606)	28.629	114.235	(133,44)
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>13.637</b>	<b>131.481</b>	<b>117.844</b>	<b>864,15</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.883</b>	<b>25.587</b>	<b>22.704</b>	<b>787,51</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>10.754</b>	<b>105.894</b>	<b>95.140</b>	<b>884,69</b>

**2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank năm 2021 tăng trên 10% so với năm 2020:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank năm 2021 tăng 643.955 triệu đồng, tương đương tăng 509,79% so với năm 2020 chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Tổng thu nhập tăng 1.077.587 triệu đồng, tương đương tăng 86,81%. Trong đó chủ yếu do thu nhập lãi thuần tăng 978.532 triệu đồng (tăng 102,74%), lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 168.672 triệu đồng (tăng 193,92%).

- Tổng chi phí tăng 225.792 triệu đồng, tương đương tăng 20,85%. Trong đó chi phí hoạt động tăng 141.735 triệu đồng (tăng 13,06%); chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 84.057 triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm (+/-) năm 2021 so với năm 2020	
				Số dư	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Tổng thu nhập</b>	<b>1.241.276</b>	<b>2.318.863</b>	<b>1.077.587</b>	<b>86,81</b>
1	Thu nhập lãi thuần	952.428	1.930.960	978.532	102,74
2	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	86.978	255.650	168.672	193,92
3	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25.237	28.274	3.037	12,04
4	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	77.167	63.737	(13.430)	(17,40)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	98.575	38.533	(60.042)	(60,91)
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	891	1.709	818	91,81
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.083.066</b>	<b>1.308.858</b>	<b>225.792</b>	<b>20,85</b>
1	Chi phí hoạt động	1.085.476	1.227.211	141.735	13,06
2	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.410)	81.647	84.057	3.487,84
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>158.210</b>	<b>1.010.005</b>	<b>851.795</b>	<b>538,40</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>31.892</b>	<b>239.732</b>	<b>207.840</b>	<b>651,70</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>126.318</b>	<b>770.273</b>	<b>643.955</b>	<b>509,79</b>

**II. Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank quý 4 năm 2021 và cả năm 2021:**

**1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank quý 4 năm 2021:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank quý 4 năm 2021 tăng 95.140 triệu đồng, tương đương tăng 884,69% so với quý 4 năm 2020 nguyên nhân chủ yếu từ tăng thu nhập trong các mảng hoạt động của KienlongBank.

**2. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank năm 2021:**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của KienlongBank năm 2021 tăng 643.955 triệu đồng, tương đương tăng 509,79% so với năm 2020. Năm 2021 lần đầu tiên, lợi nhuận của ngân hàng đã vượt mốc 1.000 tỷ đồng. Song hành với việc giảm lãi suất vay vốn, hỗ trợ khách hàng khó khăn do dịch Covid-19 theo chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, miễn toàn bộ phí giao dịch chuyển tiền cho Khách hàng... Ngân hàng đã có những chiến lược chuyển đổi kịp thời, tối ưu hóa hoạt động, quyết liệt xử lý nợ xấu đặc biệt là xử lý dứt điểm các khoản cho vay có tài sản bảo đảm là cổ phiếu STB (theo Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của KienlongBank đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt), thu hút tiền gửi không kỳ hạn với mức tăng trưởng mạnh, phát triển tín dụng, tăng cường phát triển các dịch vụ ngân hàng, đóng góp cao vào lợi nhuận của Ngân hàng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Ban TGD (để chỉ đạo);
- Lưu: VT.



Trần Ngọc Minh